

APPROACH AND SOME ISSUES POSED IN ASSESSMENT OF IMPACTS OF THE IMPLEMENTATION OF THE GENERAL EDUCATION PROGRAM 2018 ON THE PROFESSIONAL ACTIVITIES OF TEACHERS IN GENERAL EDUCATION INSTITUTIONS

Nguyen Van Chien*, Pham Khanh Linh

Education Development Strategy and Policy Research Department
The Vietnam National Institute of Educational Sciences

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 26/7/2023	The 2018 general education program has had a great impact on different subjects in education, especially teachers and students. The 2018 program sets out requirements for teachers to change awareness, teaching methods and activities related to teaching. To address the challenges and capitalize on the positive impacts of the 2018 Program, appropriate policy change for teachers is needed. The content of the article summarizes the process of implementing the 2018 Program and issues arising in practice related to teachers in general education institutions. By means of an overview study of a number of research results on issues related to aspects of teachers' professional activities, the authors offer a systematic approach to assess the impact of the implementation of the 2018 Program in practice as well as the impacts of the new Program on teachers' professional activities in many aspects. Since then, a number of issues need to be researched and clarified in theory and practice, contributing to the adjustment of policies related to professional activities of teachers of high schools in accordance with current educational innovation requirements.
Revised: 12/9/2023	
Published: 12/9/2023	
KEYWORDS	
General education program	
Policy	
School teacher	
Professional activities	
Impact assessment	

CÁCH TIẾP CẬN VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 ĐẾN HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP CỦA GIÁO VIÊN TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Nguyễn Văn Chiến*, Phạm Khánh Linh

Ban Nghiên cứu Chính sách và Chiến lược phát triển giáo dục
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 26/7/2023	Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã và đang có những tác động lớn đến các đối tượng khác nhau trong giáo dục, đặc biệt là đối tượng giáo viên và học sinh. Chương trình 2018 đặt ra cho giáo viên những yêu cầu về việc phải thay đổi nhận thức, phương pháp giảng dạy và hoạt động liên quan đến dạy học. Để giải quyết những thách thức và tận dụng các tác động tích cực của Chương trình 2018, cần có thay đổi phù hợp về mặt chính sách đối với đội ngũ giáo viên. Nội dung bài viết đã tóm lược về quá trình triển khai Chương trình 2018 và những vấn đề phát sinh trong thực tiễn liên quan đến đội ngũ giáo viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông. Bằng phương pháp nghiên cứu tổng quan một số kết quả nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến các khía cạnh hoạt động nghề nghiệp của giáo viên, nhóm tác giả đưa ra hệ thống các cách tiếp cận để đánh giá tác động của việc triển khai Chương trình 2018 trong thực tiễn cũng như những tác động của Chương trình mới tới hoạt động nghề nghiệp của giáo viên trên nhiều khía cạnh. Từ đó đặt ra một số vấn đề cần nghiên cứu, làm rõ về lý luận, thực tiễn góp phần điều chỉnh các chính sách liên quan đến hoạt động nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên của trường phổ thông phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.
Ngày hoàn thiện: 12/9/2023	
Ngày đăng: 12/9/2023	
TỪ KHÓA	
Chương trình giáo dục phổ thông	
Chính sách	
Giáo viên phổ thông	
Hoạt động nghề nghiệp	
Đánh giá tác động	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8434>

* Corresponding author. Email: chiennv@vnies.edu.vn

1. Mở đầu

Năm 2018, Chương trình giáo dục phổ thông mới được ban hành (Chương trình 2018) theo Thông tư 32 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) tiếp cận theo chuẩn đầu ra, hướng đến hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực thiết yếu của người học [1]. Sự đổi mới này là tất yếu và là thách thức lớn đối với đội ngũ giáo viên (GV) phổ thông - người trực tiếp triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới. GV không thể triển khai giờ học theo hướng truyền thụ kiến thức, thay vào đó là hình thành một vai trò mới, tạo môi trường học tập kích thích hoạt động học của học sinh (HS) và trở thành người hỗ trợ HS trong xuyên suốt quá trình học tập của các em [2]. Chính vì vậy, đội ngũ GV và cán bộ quản lý (CBQL), nhân viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) đã trải qua những tác động đáng kể đối với chế độ làm việc cũng như hoạt động giảng dạy bao gồm cả các tác động tích cực và tiêu cực. Điều này không chỉ có tác động đến bản thân họ mà còn ảnh hưởng đến kết quả dạy và học, chất lượng giáo dục và những vấn đề khác có liên quan. Để giải quyết những thách thức và tận dụng các tác động tích cực của Chương trình 2018, cần có sự phối hợp chặt chẽ của các nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý giáo dục, nhà nghiên cứu, đội ngũ giáo viên,... [3], [4]. Cơ quan quản lý giáo dục cần đảm bảo rằng: “Nhà giáo phải được đào tạo để trở thành những nhà giáo dục nhiều hơn là những chuyên gia truyền đạt kiến thức [5]”, nghĩa là, người GV cần được đào tạo và hỗ trợ liên tục để nắm vững nội dung và phương pháp giảng dạy mới. Đồng thời, cần xem xét điều chỉnh chế độ làm việc của GV, giảm bớt áp lực công việc không cần thiết, giúp GV có thêm thời gian dành cho việc nghiên cứu và chuẩn bị bài giảng cũng như cải thiện các vấn đề về mặt tâm lý như: động lực làm việc, sự hài lòng với nghề nghiệp,... [6]-[9], qua đó phát huy các yếu tố tích cực, hạn chế các yếu tố tiêu cực, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ của hệ thống giáo dục quốc dân.

Tác động của Chương trình 2018 tới ngành giáo dục nước nhà đã trở thành chủ đề nóng hổi để các nhà khoa học nghiên cứu về tác động của chúng tới các nhân tố giáo dục. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu, bài báo khoa học đã nêu mặc dù đề cập phần nào những khía cạnh tác động nhưng chưa đưa ra được một bức tranh tổng thể về thực trạng cũng như hệ thống cơ sở lý luận chung về đánh giá tác động của Chương trình mới giúp các nhà hoạch định chính sách có thêm những góc nhìn khác về bức tranh toàn diện, đa chiều để có cơ sở hoạch định chính sách phù hợp. Bài viết này sẽ đề cập đến khía cạnh về cách tiếp cận và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn nhằm đánh giá những tác động tích cực cũng như những thách thức mà Chương trình 2018 mang lại đối với hoạt động nghề nghiệp GV phổ thông để từ đó có những kiến nghị về mặt chính sách trong quá trình thực hiện.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp tổng quan các nghiên cứu, báo cáo, tài liệu đã có để phân tích, tổng hợp thông tin, tư liệu có liên quan đến chủ đề nghiên cứu, qua đó xây dựng hệ thống cơ sở lý luận về cách tiếp cận cho nghiên cứu toàn diện, đầy đủ và khoa học về đánh giá tác động của việc triển khai Chương trình 2018 đến hoạt động nghề nghiệp của đội ngũ GV trong các cơ sở GDPT. Kết quả nghiên cứu là tư liệu tham khảo quan trọng để triển khai các hoạt động nghiên cứu, đánh giá tác động của việc triển khai Chương trình 2018 trong thực tiễn và đặt ra vấn đề chính sách đối với việc phải đổi mới các chính sách liên quan đến hoạt động nghề nghiệp, chế độ làm việc và cơ chế chính sách đối với GV ở các trường phổ thông hiện nay.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Khái lược quá trình triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Việc xây dựng và ban hành Chương trình 2018 đã đáp ứng mục tiêu đổi mới GDPT theo Nghị quyết 29 của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết 88 của Quốc hội [10], [11]. Chương trình đã cụ thể hóa việc đổi mới mục tiêu cơ bản của giáo dục từ tập trung vào trang bị kiến thức, kỹ năng sang phát triển phẩm chất và năng lực người học, đảm bảo hài hoà giữa “dạy

chữ”, “dạy người” và định hướng nghề nghiệp.

Công tác chỉ đạo chuẩn bị các điều kiện và triển khai thực hiện Chương trình 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã bao quát đầy đủ các vấn đề: chuẩn bị sách giáo khoa (SGK), tài liệu giáo dục của địa phương, tập huấn GV, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của chương trình mới. Các địa phương đã tổ chức thực hiện theo chỉ đạo của Bộ GDĐT phù hợp với điều kiện của địa phương, cơ sở giáo dục.

Từ năm học 2019-2020 việc triển khai chương trình, SGK theo Chương trình 2018 bắt đầu với lớp 1, đến năm học 2022-2023 chương trình mới đang được triển khai ở lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 6, lớp 7 và lớp 10 [12].

Triển khai trong bối cảnh nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, song kết quả thực hiện Chương trình 2018 tại các địa phương, cơ sở giáo dục trong những năm qua về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu; việc thực hiện đổi mới trong xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo tinh thần chủ động, linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn đã được thực hiện có hiệu quả; việc đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá đã được thực hiện ngày càng đi sâu vào thực chất.

Kết quả học tập và rèn luyện của HS học theo Chương trình 2018 đã có những chuyển biến tích cực; mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực HS của Chương trình 2018 bước đầu đã được khẳng định, tạo niềm tin trong GV, HS, cha mẹ HS và xã hội.

Trong quá trình triển khai Chương trình 2018 vào thực tiễn đã xuất hiện một số khó khăn, hạn chế như sau:

Một là, Chương trình 2018 khi ban hành chưa đầy đủ các môn học, hoạt động giáo dục nên phải tiếp tục ban hành bổ sung ở các năm học sau, gây khó khăn cho việc chuẩn bị SGK và triển khai thực hiện đối với một số môn học. Chẳng hạn như nội dung về giáo dục lịch sử địa phương, mặc dù được đánh giá cao tầm quan trọng nhưng lại phụ thuộc vào năng lực của GV và điều kiện thực tế ở mỗi địa phương trong quá trình xây dựng nội dung giáo dục. Đối với tài liệu giáo dục địa phương, việc biên soạn, thẩm định, đề nghị phê duyệt của một số địa phương còn chậm muộn, chất lượng tài liệu còn hạn chế.

Hai là, việc biên soạn, thẩm định, phát hành SGK còn chậm so với yêu cầu triển khai. Một vài SGK môn học còn gây băn khoăn trong dư luận về nội dung, ngữ liệu, thuật ngữ, hình ảnh... chưa được chọn lọc, tinh giản; cấu trúc giữa các bài học trong một số SGK chưa đảm bảo thành phần theo quy định, thậm chí còn lỗi chính tả, diễn đạt. Việc thẩm định SGK qua nhiều vòng, nhiều đợt dẫn đến việc phê duyệt danh mục SGK còn chậm, gây khó khăn trong việc tổ chức lựa chọn SGK ở một số địa phương.

Ba là, công tác mua sắm thiết bị dạy học gặp khó khăn; nhiều địa phương, nhà trường thiếu thiết bị dạy học tối thiểu, gặp khó khăn trong tổ chức dạy và học theo yêu cầu của Chương trình 2018. Thiếu GV ở các môn học mới, đặc biệt là các môn dạy học tích hợp, liên môn ảnh hưởng tới chất lượng triển khai chương trình. Chẳng hạn như 5 môn học độc lập của Chương trình 2006 gồm Lịch sử, Địa lý, Sinh học, Hóa học, Vật lý tích hợp thành 2 môn học mới là Lịch sử và Địa lý và Môn Khoa học tự nhiên. Nhiều GV chưa được bồi dưỡng kịp thời về dạy học tích hợp, dạy học liên môn.

Bốn là, việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường ở một số cơ sở giáo dục chưa khoa học, chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn dẫn tới hiệu quả thực hiện chương trình một số môn học, hoạt động giáo dục mới còn hạn chế, chưa bảo đảm thực hiện đúng theo yêu cầu của Chương trình 2018.

Năm là, về đội ngũ GV: Những khó khăn, vướng mắc chung của hầu hết các địa phương là thiếu GV, thiếu nguồn tuyển dụng GV, khó khăn trong việc triển khai Nghị định 116 của Chính phủ về đặt hàng đào tạo GV cũng như sinh viên sư phạm [13]. Nguyên nhân của tình trạng thụt giảm số lượng và nguồn tuyển dụng GV là do thu nhập thấp, lương không đảm bảo cuộc sống nên nhiều sinh viên tốt nghiệp các ngành sư phạm không mặn mà đối với nghề dạy học; nhiều

GV chuyển sang nghề khác hoặc tìm kiếm việc làm ở các thành phố lớn. Bên cạnh đó là việc tinh giản biên chế GV cơ hữu diễn ra tại nhiều địa phương theo yêu cầu cũng là nguyên nhân thiếu hụt lực lượng GV. Liên quan tới khó khăn việc triển khai Nghị định 116 đối với vấn đề đặt hàng đào tạo GV và sinh viên sư phạm: do chưa có hướng dẫn chi tiết cho việc tổ chức đầu thầu, định mức, cơ chế quản lý trước và sau bồi dưỡng, đào tạo GV và sinh viên sư phạm dẫn tới tình trạng mỗi địa phương lại triển khai và đánh giá kết quả theo phương pháp riêng, khó tổng kết và đánh giá tình hình triển khai Nghị định. Ngoài ra, Chương trình 2018 triển khai áp dụng sách giáo khoa tích hợp trong nhà trường phổ thông, trong khi các trường sư phạm hiện nay chưa mở thêm các mã ngành đào tạo sinh viên sư phạm dạy các tổ hợp môn này cũng đặt vấn đề nguồn nhân lực đáp ứng các yêu cầu đặc thù về tính đa môn, liên môn. Bởi lẽ, việc tích hợp này cần được thực hiện từ khâu xây dựng chương trình (thể hiện qua mục tiêu, nội dung, chuẩn, phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập), biên soạn tài liệu và triển khai dạy học [14].

Nhìn chung, qua 4 năm thực hiện, các địa phương trong việc triển khai Chương trình 2018 phù hợp với điều kiện thực tế và bước đầu đã đạt được những kết quả tích cực. Trong đó, nhiều địa phương đã ưu tiên dành nguồn lực cho đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị triển khai theo từng cấp, lớp học. Một số địa phương đã chủ động, linh hoạt trong triển khai các môn học mới, môn học tích hợp; có những cách làm hiệu quả trong tuyển dụng, sử dụng đội ngũ GV...

3.2. Quan điểm tiếp cận và các vấn đề đặt ra trong đánh giá tác động của việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đến hoạt động nghề nghiệp của giáo viên

3.2.1. Một số quan điểm tiếp cận đánh giá tác động chính sách và tác động của Chương trình 2018

Đánh giá tác động của chính sách là một vấn đề đòi hỏi cần có cách tiếp cận hợp lý để từ đó có các công cụ, phương pháp đánh giá hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn. Trên tinh thần Nghị quyết 29 với quan điểm chỉ đạo giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, cần được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội [11], việc triển khai Chương trình 2018 vào thực tiễn đã dẫn tới những tác động lớn, làm thay đổi căn bản, toàn diện về mặt chính sách giáo dục và đào tạo. Vì vậy, để đánh giá một cách toàn diện, khách quan, khoa học các tác động của việc triển khai Chương trình 2018 trong thực tiễn cần vận dụng các cách tiếp cận sau:

Tiếp cận phân tích chính sách

Quy trình hoạch định chính sách được xem là một quá trình liên tục, mà đằng sau nó là hoạt động phân tích chính sách. Việc “kết thúc” một chính sách thường là khởi đầu cho một giai đoạn mới, với các vấn đề công cộng mới nảy sinh, cần tiếp tục được phát hiện, phân tích, giải quyết và đánh giá. Do vậy, phân tích, nghiên cứu chính sách không phải là một giai đoạn mà là một hoạt động hỗ trợ cho các giai đoạn của chu trình chính sách [15]. Trong nghiên cứu tác động Chương trình 2018 đến hoạt động nghề nghiệp của GV sẽ vận dụng cách tiếp cận và thống nhất quan điểm chu trình chính sách được thực hiện với những nội dung công việc cơ bản sau: (1) Xác định vấn đề chính sách; (2) Hình thành chính sách; (3) Xây dựng chính sách; (4) Thực hiện chính sách; (5) Đánh giá thực hiện chính sách. Việc tiếp cận triển khai nghiên cứu đề tài cần thực hiện, rà soát ở tất cả các bước trong quy trình trên để chỉ ra những tác động về mặt chính sách triển khai Chương trình 2018 tác động như thế nào đến đội ngũ GV, kéo theo đó là những tác động đến chính sách liên quan đến chế độ làm việc của đội ngũ GV.

Tiếp cận lịch sử - logic

Nghiên cứu chính sách về chế độ làm việc và tác động của việc triển khai Chương trình 2018 đến hoạt động nghề nghiệp trên cơ sở phân tích, so sánh hệ thống các chính sách đã và đang triển khai và những yêu cầu mới nảy sinh trong thực tiễn, từ đó đề xuất xây dựng mới và/hoặc điều chỉnh chính sách, chế độ làm việc cho đội ngũ GV phù hợp hơn trong bối cảnh triển khai Chương trình 2018 trong các cơ sở GDPT.

Tiếp cận hệ thống

Khi xây dựng và ban hành bất kỳ một văn bản chính sách nào đều phải được đặt trong bối cảnh hệ thống chính sách, pháp luật nhà nước. Do đó nghiên cứu cơ sở khoa học để khuyến nghị đề xuất

chính sách cần đặt nó trong hệ thống cơ chế chính sách, pháp luật Việt Nam bao gồm các định hướng phát triển của Đảng và các văn bản pháp luật của Chính phủ, các Bộ, ngành có liên quan. Chính sách về chế độ làm việc, nghề nghiệp của đội ngũ GV phổ thông và trường chuyên biệt là văn bản chính sách, pháp luật thuộc lĩnh vực giáo dục. Do vậy, các cơ chế chính sách này nằm trong hệ thống các cơ chế chính sách, văn bản pháp luật của Việt Nam có liên quan như Luật Lao động, Luật Viên chức... cũng như các văn bản pháp luật, chính sách đặc thù trong lĩnh vực GDĐT. Chính vì thế, trong quá trình nghiên cứu, khuyến nghị xây dựng chính sách, cần đặt nó trong mối quan hệ với toàn bộ văn bản chính sách, luật có liên quan hoặc có tác động tiềm năng và đòi hỏi cần phân tích, tiếp cận hệ thống để đảm bảo việc đánh giá, phân tích mang tính toàn diện và phù hợp.

Tiếp cận liên ngành, xuyên ngành

Nghiên cứu tác động, ảnh hưởng của hệ thống chính sách và hoạt động can thiệp vào thực tế hoạt động nghề nghiệp đòi hỏi có cách tiếp cận liên ngành, xuyên ngành mang tính hệ thống để có nhiều góc nhìn, cách tiếp cận đa dạng, phong phú và toàn diện. Trong nghiên cứu này, các ngành khoa học bao gồm: Tâm lý học, Xã hội học, Giáo dục học, Sức khỏe nghề nghiệp, Sức khỏe giới, Khoa học về chính sách... được vận dụng nhằm đánh giá các khía cạnh về: (1) Tâm lý, mức độ hài lòng với công việc, nghề nghiệp, áp lực công việc, sức khỏe tâm thần; (2) Mối quan hệ xã hội với đồng nghiệp, cán bộ quản lý, gia đình, xã hội trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn; (3) Khả năng chịu tải về công việc theo yêu cầu mới của Chương trình 2018; (4) Bệnh nghề nghiệp, vấn đề sức khỏe có liên quan; (5) Tác động góc độ giới khác biệt giới giữa GV nam và GV nữ, quá trình dạy học... Tiếp cận “liên ngành” cung cấp nhiều góc nhìn, đánh giá về một vấn đề trong khi tiếp cận “xuyên ngành” sẽ giúp cho nghiên cứu đặt các vấn đề mang tính hệ thống, xem xét các yếu tố tác động ở mức độ khác nhau, sự ưu tiên và tầm quan trọng của các khía cạnh để khi đưa ra các khuyến nghị cũng mang tính hệ thống, chẳng hạn như cần có các chính sách giải quyết các vấn đề cơ bản trước rồi đến các vấn đề chiến lược, lâu dài...

Tiếp cận có sự tham gia

Do đối tượng bị ảnh hưởng (tích cực hoặc tiêu cực nếu có) trực tiếp là đội ngũ GV và CBQL tại các cơ sở GDPT và trường chuyên biệt nên trong quá trình nghiên cứu, sự tham gia của các đối tượng này cần được phát huy tối đa để có được các thông tin từ thực tiễn hoạt động nghề nghiệp, dạy học, xác định những thuận lợi, khó khăn, hạn chế về cơ chế chính sách, chế độ làm việc, môi trường làm việc... Từ đó có được những đề xuất, kiến nghị phù hợp với nhu cầu và điều kiện nguồn lực thực hiện. Bên cạnh đó, sự tham gia của HS cũng là đối tượng chịu tác động trực tiếp từ Chương trình 2018 và đồng thời là đối tượng trực tiếp tương tác với GV và CBQL hàng ngày. Những thông tin phản ánh từ khả năng tiếp nhận kiến thức, quan hệ với đội ngũ GV cũng như các vấn đề có liên quan đến chương trình, bài dạy, đánh giá kết quả... sẽ giúp cho nghiên cứu có được nhiều góc nhìn toàn diện hơn về một vấn đề trước khi đưa ra các kiến nghị chính sách và chế độ làm việc cho đội ngũ GV phổ thông phù hợp với điều kiện mới.

3.2.2. Các nội dung hoạt động nghề nghiệp giáo viên tác động bởi việc thực hiện Chương trình 2018

Sự ra đời của Chương trình GDPT mới ngay lập tức đã có những tác động mạnh tới nền giáo dục nước nhà, đặc biệt là hoạt động nghề nghiệp của GV trên nhiều khía cạnh:

Chế độ làm việc

Ngoài số tiết dạy được quy định theo khung chính sách mà nhà nước ban hành, để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, người GV cũng cần dành ra rất nhiều thời gian cho những công tác liên quan khác như: chuẩn bị giáo án, chấm bài, công tác chủ nhiệm, giáo dục nhân cách đạo đức,... Để có thể đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người GV cũng không hề đơn giản. Bởi ngoài truyền đạt tri thức, GV còn cần phải cân bằng giữa rất nhiều các yếu tố khác như: sự kỳ vọng của phụ huynh, đối xử công bằng và hết lòng với từng học sinh,... Lao động của GV là loại lao động đặc thù, không chỉ tốn nhiều thời gian hơn định mức lao động dành cho viên chức mà tính chất lao động của họ cũng phức tạp hơn những biểu hiện bên ngoài. Đồng thời GV cũng chịu áp lực rất lớn từ yêu cầu về chất lượng giáo dục, từ sự kì vọng của cha mẹ HS về con cái họ [16].

Chế độ làm việc của GV có thể hiểu gồm nhiều khía cạnh: số giờ làm việc, chế độ nghỉ hè - nghỉ phép, tiền lương, phụ cấp, ... ở mỗi cấp học đều cần có sự điều chỉnh phù hợp. Vì vậy “Lao động xã hội cần thiết” của nhà giáo là khoảng thời giờ và sức lao động mà người GV cần phải tiêu tốn (bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết dạy) để “thiết kế” và tổ chức “thi công” một giờ dạy lý thuyết, thực hành, thí nghiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp... với một trình độ trang thiết bị trung bình, với một năng lực chuyên môn và sự phạm trung bình và một cường độ lao động trung bình trong xã hội tại thời điểm đó, gọi là lao động xã hội cần thiết của người GV [17].

Năng lực thực hiện nghề nghiệp

Với định hướng phát triển phẩm chất và năng lực, tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học tích lũy được kiến thức phổ thông vững chắc, biết vận dụng hiệu quả kiến thức vào đời sống và tự học suốt đời..., Chương trình 2018 đòi hỏi đội ngũ GV và CBQL trong các cơ sở giáo dục phải không ngừng học hỏi, tự nâng cao năng lực và phẩm chất để đáp ứng với những đổi mới của chương trình. Không chỉ có HS phải tự học nhiều hơn, mà người thầy cũng cần trang bị cho mình không chỉ những kiến thức chuyên môn, mà còn là những kiến thức thường thức, kỹ năng mềm, trải nghiệm sống, ... để khơi gợi nguồn cảm hứng học tập cho người học. Chương trình 2018 đặt ra yêu cầu phát triển cả về số lượng và chất lượng sẽ định hướng cho việc xây dựng và thực hiện các chương trình bồi dưỡng, đào tạo GV, CBQL giáo dục. Trong đó, tập trung đào tạo lại, bồi dưỡng các năng lực nghề nghiệp theo Chuẩn nghề nghiệp GV các cấp học với nội dung, phương pháp, hình thức phù hợp với giai đoạn và điều kiện từng địa phương, lấy phát triển cộng đồng nghề nghiệp nhà trường làm giải pháp cơ bản [18].

Học tập phát triển nghề nghiệp là quá trình GV tiếp thu kiến thức chuyên môn và phương pháp sư phạm mới để cải thiện thực hành giảng dạy, mang lại thay đổi cho cá nhân GV, HS và cho cả hệ thống giáo dục. Chính vì vậy, để đổi mới giáo dục, đổi mới và xây dựng chương trình học tập phát triển nghề nghiệp GV chất lượng, hiệu quả là điều cấp thiết và được đặc biệt nhấn mạnh trong các chương trình cải cách giáo dục [19].

Chương trình 2018 đưa hoạt động trải nghiệm trở thành hoạt động giáo dục bắt buộc, quy định thời lượng cụ thể về số tiết với các năng lực đặc thù và các yêu cầu cần đạt ứng với từng khối lớp. Chính điều này gây ra khó khăn lớn đối với GV tiểu học trong quá trình lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục. Sự thay đổi của chương trình hoạt động trải nghiệm (hoạt động giáo dục theo nghĩa hẹp) được quy định số lượng tiết và loại hình tiết giống như một môn học khiến nhiều GV bối rối khi thiết kế kế hoạch hoạt động giáo dục để tổ chức cho HS. Vì vậy, muốn lập kế hoạch chủ đề hoạt động trải nghiệm phù hợp, GV tại các trường tiểu học cần hiểu rõ về đặc điểm HS cũng như điều kiện thực tiễn của nhà trường, của địa phương [20].

Điều kiện thực hiện nghề nghiệp

Với những thay đổi và ảnh hưởng của Chương trình 2018 đòi hỏi mô hình quản lý trường học cần có sự điều chỉnh và thích ứng bao gồm các yếu tố đầu vào, đầu ra và quá trình quản lý hoạt động dạy và học trong bối cảnh mới. Trong đó, yếu tố hoạt động nghề nghiệp của đội ngũ GV và CBQL như xây dựng kế hoạch dạy học; quản lý đội ngũ GV; phân công, tập huấn GV và CBQL về triển khai chương trình SGK mới; quản lý HS; quản lý phát triển chương trình nhà trường, chương trình địa phương, lựa chọn sách...; Ban hành các văn bản chỉ đạo hoạt động dạy và học, phân công cán bộ theo dõi trực tiếp... cần được đặt lên hàng đầu [21].

Để đáp ứng được yêu cầu mới này, cần có chính sách xây dựng cộng đồng học tập ở các trường phổ thông và tạo môi trường phát triển đội ngũ GV. Tuy nhiên, xây dựng mô hình học tập chuyên môn là một công việc phức tạp, đòi hỏi sự đầu tư về mặt thời gian, kinh nghiệm cũng như sự quan tâm, hợp tác của các thành phần trong nhà trường phổ thông. Theo đó, việc điều chỉnh cơ chế chính sách về định mức lao động của đội ngũ GV cần được rà soát, đánh giá điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới là một việc làm cần thiết để phát huy được các mô hình như trên [22].

Sức khỏe tinh thần, mức độ sẵn sàng để thay đổi

Mọi hoạt động nghề nghiệp đều liên quan đến thu nhập, giá trị, năng lực nghề nghiệp của mỗi

người lao động, mối quan hệ của họ với đối tượng lao động, sự chấp nhận và thích ứng với các tiêu chuẩn cơ bản của nghề. Giáo viên là người tổ chức các hoạt động dạy, học và đánh giá người học và có vai trò quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp giáo dục HS. Sự hài lòng với nghề nghiệp sẽ khiến hoạt động nghề nghiệp của người GV có hiệu quả hơn. Các thành tố tạo nên sự hài lòng với nghề nghiệp được đề cập mang các đặc trưng nghề nghiệp nói chung như: lãnh đạo, đồng nghiệp, môi trường làm việc, thu nhập, cơ hội thăng tiến..., nhưng cũng mang những đặc trưng riêng của nghề giáo như HS, cha mẹ HS là đối tượng làm việc của người GV. Nếu nhìn nhận chung về nghề nghiệp của mình thì đội ngũ GV cảm thấy khá hài lòng với nghề, thậm chí một tỷ lệ đáng kể rất hài lòng với nghề [6]. Đối với nghề giáo, cảm nhận hạnh phúc nghề nghiệp vô cùng quan trọng bởi thứ cảm nhận này không chỉ ảnh hưởng tới sự phát triển tâm lý tích cực của GV mà còn gián tiếp ảnh hưởng tới thái độ hoạt động nghề nghiệp của họ. Không những thế, cảm nhận hạnh phúc còn ảnh hưởng tới tính chủ động và khả năng sáng tạo của GV. Chính vì vậy, các nhà quản lý và hoạch định chính sách cần phải chuẩn bị những phương án để đội ngũ GV cảm thấy họ hạnh phúc với nghề, yêu nghề và muốn gắn bó với nghề khi triển khai và thực hiện Chương trình mới với những yêu cầu khắt khe và thay đổi cho phù hợp [7].

Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, lao động sư phạm hiện nay đang quá tải về thời lượng, về mức độ căng thẳng bởi áp lực từ nhiều phía làm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và tinh thần người GV; Tiền lương cho GV chưa tương xứng với lao động của GV cộng thêm áp lực trong công việc đã không tạo được động lực làm việc, thậm chí làm cho một bộ phận GV chán nghề, muốn bỏ nghề [23].

Ngoài những vấn đề cơ bản nêu trên, Chương trình 2018 ngoài việc tác động đến hoạt động nghề nghiệp của đội ngũ GV còn đặt ra đối với đội ngũ GV những thay đổi về tư duy, cách tiếp cận, triển khai hoạt động nghề nghiệp dạy học, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số, chuyển đổi giáo dục trên phạm vi toàn cầu, khu vực.

3.3. Một số vấn đề đặt ra trong nghiên cứu đánh giá tác động đến hoạt động nghề nghiệp và hàm ý về mặt chính sách

Từ những phân tích đã nêu ở trên, ta thấy rằng Chương trình 2018 tác động tới hoạt động nghề nghiệp của người GV trên nhiều khía cạnh: chế độ làm việc, điều kiện thực hiện nghề nghiệp, sức khỏe tinh thần,... để từ đó đội ngũ GV phải tìm cách để nâng cao năng lực bản thân, tăng cường mức độ sẵn sàng để thay đổi. Tuy rằng, thay đổi để tốt lên là điều cần thiết và là điều kiện bắt buộc cho một xã hội phát triển. Tuy nhiên, khi nhìn vào những cơ chế chính sách đãi ngộ về tiền lương, thời gian nghỉ ngơi cũng như khối lượng, định mức công việc và sự kỳ vọng của xã hội đối với nghề giáo, cũng đặt ra cho các nhà nghiên cứu và các cấp quản lý cần phải đánh giá để điều chỉnh/bổ sung những chính sách phù hợp để đội ngũ GV có thể yên tâm cống hiến cho sự nghiệp giáo dục nước nhà...

Vì vậy, khi nghiên cứu đánh giá tác động của Chương trình 2018 đến chế độ làm việc của GV trong các cơ sở GDPT dựa trên các cách tiếp cận về mặt lý luận và thực tiễn cần quan tâm nhiều hơn đến các khía cạnh sau:

Thứ nhất, nghiên cứu về thực tiễn hoạt động chuẩn bị và lập kế hoạch giảng dạy của đội ngũ GV: Chương trình và SGK mới đòi hỏi GV phải dành nhiều thời gian và công sức hơn để chuẩn bị và lập kế hoạch cho các bài giảng so với chương trình trước đây. Với việc thay đổi nội dung và phương pháp giảng dạy, GV cần phải tìm hiểu và nắm vững nội dung mới, tìm kiếm tài liệu hỗ trợ và thiết kế các hoạt động phù hợp. Điều này có thể yêu cầu GV phải dành thời gian ngoài giờ làm việc để chuẩn bị tốt cho các buổi học.

Thứ hai, các chính sách hỗ trợ đào tạo và học tập liên tục: Với sự thay đổi nội dung và phương pháp giảng dạy, GV cần thường xuyên tham gia các khóa đào tạo và hoạt động học tập để nâng cao kiến thức và kỹ năng của mình phù hợp với Chương trình mới. Điều này một mặt cần nghiên cứu về các nội dung, hình thức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ GV phù hợp trong bối cảnh chuyển đổi số, mặt khác đòi hỏi thời gian và sự cam kết từ GV để duy trì và phát triển năng lực chuyên môn và phương pháp giảng dạy.

Thứ ba, nghiên cứu về chế độ, thời gian thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ GV: Việc nắm vững chương trình và SGK mới có thể tốn nhiều thời gian cho GV. Họ cần phải đọc và tìm hiểu nội dung, áp dụng phương pháp giảng dạy mới, và đánh giá, chấm điểm cho HS. Việc thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ này có thể làm thay đổi thời gian làm việc của GV và đôi khi tạo ra áp lực và căng thẳng.

Thứ tư, các hoạt động hợp tác và hỗ trợ: Chương trình và SGK mới có thể yêu cầu về việc hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm giữa các GV. Do vậy, đội ngũ GV cần phải làm việc cùng đồng nghiệp để thảo luận, trao đổi ý kiến và chia sẻ tài liệu, phương pháp giảng dạy hiệu quả. Điều này có thể tạo ra môi trường làm việc tích cực, nhưng cũng đòi hỏi thời gian và sự cởi mở từ phía GV. Theo đó, các phương pháp, cách thức tạo môi trường hợp tác và hỗ trợ từ đồng nghiệp cần được nghiên cứu và phát huy tối đa để giúp đỡ các GV trong bối cảnh hiện nay.

Thứ năm, các chính sách tuyển dụng, sử dụng, chế độ đãi ngộ cho đội ngũ GV thực hiện Chương trình mới cần phải được xem xét, đánh giá để có những điều chỉnh phù hợp hơn với chế độ làm việc mới, tạo động lực cho người GV cống hiến và phát triển nghề nghiệp, chuyên môn của mình trong điều kiện vị thế công việc dạy học có nhiều biến động theo chiều hướng suy giảm, và có sự cạnh tranh của nhiều ngành, nghề lĩnh vực khác dẫn đến tình trạng thiếu hụt GV do khó khăn trong tuyển dụng ở một số địa phương.

4. Kết luận

Chương trình 2018 có ảnh hưởng, tác động lớn đến mục tiêu, phương pháp giáo dục, chất lượng dạy học, đóng vai trò quan trọng trong công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện GDPT. Đội ngũ GV luôn được xem là nhân tố quyết định sự thành công của việc triển khai chương trình, SGK phổ thông mới.

Do vậy, cần sớm triển khai các hoạt động nghiên cứu, đánh giá tác động của Chương trình 2018 đến các khía cạnh hoạt động nghề nghiệp của đội ngũ GV để có cơ sở, căn cứ khoa học và thực tiễn điều chỉnh chế độ làm việc của GV phổ thông phù hợp với Chương trình 2018 dựa trên cách tiếp cận về phân tích, đánh giá tác động chính sách từ nhiều góc độ, phương pháp và cách thức khác nhau để sớm đưa ra bức tranh tổng thể về các tác động tích cực và tiêu cực của việc triển khai trong thực tiễn. Các kết quả nghiên cứu, đánh giá tác động giúp cho các nhà quản lý, cơ quan chức năng trong quá trình xây dựng, hoạch định chính sách, sửa đổi các văn bản, quy định hiện hành cũng như ban hành các văn bản pháp lý mới phù hợp với nhu cầu thực tiễn như Luật Nhà giáo, đổi mới quản lý nhà nước về đội ngũ GV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Ministry of Education and Training, *Circular Promulgating General Education Program*, No. 32/2018/TT-BGDDT, 2018.
- [2] T. D. Truong, V. H. T. Dinh, A. Q. T. Nguyen, and N. H. Tran, "The current status of teacher professional learning and development in the context of educational reform in Vietnam," *VJES Vietnam Journal of Educational Sciences*, no. 37, pp. 48-53, 2021.
- [3] T. T. Ha, L. B. T. Phan, L. H. T. Tran, and H. T. Pham, "The current situation of implementing The 2018 General Education Program on Natural Science subject in Sixth Grade in the school year of 2021 – 2022," *VJES Vietnam Journal of Educational Sciences*, vol. 18, no. 62, pp. 84-88, 2022.
- [4] D. N. Bui, "Current situation of implementing The 2018 General Education curriculum for Grade 1 in the school year 2020-2021: Perspectives from Teachers," *VJES Vietnam Journal of Educational Sciences*, vol. 18, no. 5, pp. 39-44, 2022.
- [5] T. V. Ho and H. X. Vo, "The innovation of training activities for music teachers at Dong Thap University to meet the requirements of The General Education Curriculum 2018," *VJES Vietnam Journal of Educational Sciences*, vol. 18, no. 7, pp. 67-73, 2022.
- [6] T. T. T. Phung, "The current status of professional pressures of primary teachers," *VJES Vietnam Journal of Educational Sciences*, no. 32, pp. 43-48, 2020.
- [7] T. H. T. Pham, "Current situation of occupational pressures faced by junior high school teachers during the implementation of The 2018 General Education Curriculum," *VJES Vietnam Journal of Educational Sciences*, vol. 19, no. 06, pp. 41-46, 2023.

-
- [8] H. M. T. Phan and N. D. T. H. Tran, "Satisfaction with the profession of high school teachers," *Journal of Psychology Vietnam Academy of Social Science*, no. 10, pp. 32-47, 2021.
- [9] T. H. T. Pham, "Factors affecting the perception of primary school teachers' professional happiness in Nam Dinh province," *VJES Vietnam Journal of Educational Sciences*, vol. 18, no. 04, pp. 68-74, 2022.
- [10] Central Steering Committee, *Resolution on "Fundamental and comprehensive innovation in education, serving industrialization and modernization in a socialist-oriented market economy during international integration*, No. 29-NQ/TW, 2013.
- [11] National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, *Resolution about The Innovation of General Education Programs and Books*, No. 88/2014/QH13, 2014.
- [12] Ministry of Education and Training, "Conference to evaluate the implementation of the General Education Program 2018". [Online]. Available: <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=8330>. [Accessed Dec. 13, 2022].
- [13] Government, *Decree Regulating tuition support and living allowances granted to pedagogy students*, No. 116/2020/ND-CP, 2020.
- [14] T. V. Luong and T. T. T. Nguyen, "Issues of integrating and developing general competencies in primary science textbook," *VJE Vietnam Journal of Education*, no. 131, pp. 36-40, 2016.
- [15] M. E. Kraft and S. R. Furlong, *Public Policy: Politics, Analysis, and Alternatives*. SAGE Publications, 2014, pp. 137-145.
- [16] T. Q. Tran, "Evaluation of pedagogical labor of current high school teachers," *JE Vietnam Journal of Education*, no. 43, pp. 5-7, 2009.
- [17] A. X. Nguyen (Co author), "Scientific topic of "Researching and developing an evaluation toolkit for assessing the effectiveness of preschool, primary, and secondary vocational teachers' work", Code: B2015-37-35NV, The Vietnam National Institute of Education Sciences, Hanoi, 2019.
- [18] B. Q. Dinh, T. H. T. Phan, and D. V. Ha, "New points, challenges and impacts of general education curriculum and textbooks," *VJE Vietnam Journal of Education*, no. 442, pp. 1-5, 2018.
- [19] T. D. Truong, V. H. T. Dinh, A. Q. T. Nguyen, and N. H. Tran, "The current status of teacher professional learning and development in the context of educational reform in Vietnam," *VJES Vietnam Journal of Educational Sciences*, no. 37, pp. 48-53, 2021.
- [20] N. T. Nguyen, "Fostering the capacity of planning experiential activities for teachers to meet the requirements of The 2018 General Education Program," *VJE Vietnam Journal of Education*, vol. 22, no. 10, pp. 35-39, 2022.
- [21] H. V. T. Mac, "Primary school management during the implementation of the 2018 General Education Program," Scientific topic, Code: V2021-01TX, The Vietnam National Institute of Education Sciences, 2021.
- [22] L. N. Doan and H. T. T. Pham, "Building a professional learning community in high schools in the context of the implementation of the General Education Program 2018," *VJE Vietnam Journal of Education*, vol. 22, no. 6, pp. 31-35, 2022.
- [23] R. T. Vu, "Current status of pedagogical work of high school teachers," *VJES Vietnam Journal of Educational Sciences*, no. 76, pp. 16-19, 2012.